|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Use case number:** | 8 | | |
| **Use case name:** | Quản lý dịch vụ | | |
| **Actor (s):** | Bộ phận lễ tân, bộ phận quản lý | | |
| **Maturity: (Facade/Focused/….)** | Filled/Focused | | |
| **Summary:** | Nhân viên lễ tân khi được khách hàng hỏi về dịch vụ của khách sạn sẽ tìm kiếm thông tin về các loại dịch vụ khách hàng cần thiết hoặc cung cấp các thông tin về các loại dịch vụ cho khách hàng để khách hàng lựa chọn phù hợp với nhu cầu (về sức khỏe, tiền bạc, gia đình, thời gian) | | |
| **Basis Course of Events:** | **Actor Action:** | | **System Response:** |
| 1.Quản lý đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của mình. | |  |
|  | | 2. Hệ thống sẽ hiển thị giao diện gồm các chức năng chính để quản lý chọn. |
| 3. Quản lý chọn chức năng quản lý dịch vụ. | |  |
|  | | 4.Hệ thống hiển thị giao diện dịch vụ bao gồm:  - Dịch vụ ăn uống.  - Dịch vụ thư giãn.  - Dịch vụ giải trí.  - Dịch vụ phục vụ. |
| 5. Quản lý chọn một mục dịch vụ. | |  |
|  | | 6. Hệ thống sẽ hiển thị danh sách từng phần trong mục dịch vụ quản lý đã chọn.  - Dịch vụ ăn uống gồm danh sách các loại đồ ăn nước uống trong khách sạn.  - Dịch vụ thư giãn gồm các loại hình thư giãn như spa, ghế massage, …  - Dịch vụ giải trí gồm danh sách các loại hình giải trí như sân bóng, phòng gym, hồ bơi, quầy bar, …  - Dịch vụ phục vụ gồm danh sách các loại hình phục vụ bàn là, giặt ủi, … |
| 7. Quản lý chọn một dịch vụ. | |  |
|  | | 8. Hệ thống sẽ hiển thị chi tiết của dịch vụ đã chọn. |
| 9. Quản lý ấn nút “Sửa”. **A1 A2** | |  |
|  | | 10. Hệ thống sẽ cho phép Actor điền thông tin. |
| 11. Quản lý bắt đầu điền thông tin, chỉnh sửa thông tin dịch vụ. | |  |
| 12. Quản lý ấn nút “lưu”.**E1** | |  |
|  | | 13. Danh sách dịch vụ sẽ được cập nhật thành công và chuyển vào database. Sau đó hệ thống sẽ gửi thông báo đến actor. |
| **Alternative Paths:** | **A1** | | |
| **Actor action** | **System response** | |
| 1. Actor ấn nút “thêm dịch vụ”. |  | |
|  | 2.Hệ thống hiển thị một giao diện bao gồm các form thêm dịch vụ. | |
| 3. Quản lý bắt đầu điền thêm thông tin dịch vụ. |  | |
| 4. Quản lý ấn nút “lưu”. |  | |
|  | Trở vê bước 13 của Basis Course of Events | |
| **A2.** | | |
| **Actor action** | **System response** | |
| 1.Actor chọn xoá 1 DV |  | |
|  | 2. Hệ thống sẽ hiển thị danh sách các DV | |
| 3. Quản lý chọn 1 DV để xoá |  | |
|  | 4. Hệ thống sẽ xác nhận cập nhật danh sách DV | |
|  | 5. Trở vê bước 13 của Basis Course of Events | |
| **Exception Paths:** | **E1** Actor có thể chọn “Huỷ” để dừng lưu thông tin chỉnh sửa và đưa thông tin về trạng thái trước khi chỉnh sửa | | |
| **Extension Points:** |  | | |
| **Triggers:** | Danh sách dịch vụ sẽ được actor nhập và chỉnh sửa | | |
| **Assumption:** | Dịch vụ phải được nhập vào trong danh sách mới được sử dụng use case này | | |
| **Precondition:** | none | | |
| **Post Condition:** | Danh sách dịch vụ sẽ được cập nhật vào database | | |
| **Reference: Business Rules:** | Không được phá hoại tài sản trong quá trình sử dụng dịch vụ. | | |
| **Reference Risks:** | Không có | | |
| **Author(s):** | Trường | | |
| **Date:** | 20/10/2020 | | |